

## 406. Chuyện Quốc Vương Gandhàra (Tiền thân Gandhàra)

*Làng phố, vũ công mười sáu ngàn...,*

*Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên, liên hệ giới điều về việc "tích trữ dược liệu". Tuy nhiên, hoàn cảnh chuyện này đã xảy ra ở Vương Xá.*

*Khi Tỳ-kheo Pilindiyavaccha đến cung vua để giải thoát gia đình người giữ ngục viên, ông dùng thần thông lực biến cung vua thành tòa nhà bằng vàng, quần chúng hoan hỷ đến tặng ông năm thứ dược liệu. Ông đem phân phát khắp Tăng chúng. Do đó Tăng chúng có nhiều dược liệu và khi nhận được các dược liệu, họ chứa đầy các chai, hũ, bình, túi... và cất để dành. Dân chúng thấy vậy thì thâm bảo nhau: "Các Tỳ-kheo tham lam kia đang tích trữ đồ đạc trong tinh xá".*

*Bậc Đạo Sư nghe vậy liền công bố giới điều:*

*- Bất cứ dược liệu trị bệnh nào khi nhận được, phải được dùng trong vòng bảy ngày.*

*Và bảo:*

*- Nay các Tỳ-kheo, các bậc trí nhân thuở xưa, trước khi đức Phật ra đời, dẫu xuất gia theo ngoại đạo và chỉ giữ Ngũ giới, cũng đã khiển trách những ai tích trữ muối và đường cho ngày hôm sau; còn các ông ngày nay dẫu đã được xuất gia theo Giáo pháp giải thoát, lại tích trữ đồ đạc đến hai ba ngày ư?*

*Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.*

\*

Ngày xưa Bô-tát là vương tử của xứ Gandhàra. Khi vua cha băng hà, ngài lên ngôi vua trị nước chân chánh. Đồng thời ở vùng Trung thổ, tại vương quốc Videha, có vị vua mệnh danh Videha cai trị. Hai quốc vương này chưa hề gặp nhau, nhưng lại là thân hữu và tin cậy lẫn nhau.

Thời ấy, loài người trường thọ: đời sống dài ba mươi ngàn năm. Một hôm, vào ngày trai giới trăng tròn, vua Gandhàra đã phát nguyện giữ giới và ngự trên bảo tọa giữa ngai vàng dành cho ngài, nhìn ra một cửa sổ rộng mở ở góc hướng Đông, ngài ngồi thuyết giảng cho quần thần về bản chất giáo lý. Lúc ấy, thần Ràhu (La-hâu: Vua các Thần A-tu-la) đã che hết mặt trăng tròn đầy đang tỏa sáng cả bầu trời. Ánh trăng biến mất. Triều thần không thấy ánh trăng, liền tâu vua rằng thần Ràhu đã chụp lấy mặt trăng.

Vua quan sát mặt trăng, nghĩ thầm "Mặt trăng đã mất ánh sáng vì bị một biến động bên ngoài làm hỏng. Nay triều thần chính là mối phiền lụy của ta. Ta không nên để mất ánh sáng như mặt trăng bị thần Ràhu chụp lấy. Ta muốn rời quốc độ như mặt trăng chiếu trên bầu trời trong sáng và trở thành ẩn sĩ. Tại sao ta lại giáo giới người khác? Ta muốn ra đi, từ giã thân quyến, thần dân và giáo giới bản thân ta mà thôi: điều ấy mới thích hợp với ta". Vì vậy ngài phán:

*- Các khanh cứ làm gì tùy ý.*

Rồi ngài trao quốc độ cho triều thần. Khi ngài đã từ bỏ vương quốc ở hai xứ Kashmir và Gandhàra, ngài sống đời tu hành. Khi chứng đắc các Thắng trí, ngài an cư mùa mưa ở vùng Tuyết Sơn, chuyên tâm vào sự an lạc của Thiên định.

Khi hỏi thăm các thương nhân, vua Videha bảo:

- Hiền hữu của ta có được Khang an chăng?

Và được tin ngài đã ra đi đời sống tu hành, vua suy nghĩ: "Hiền hữu ta đã xuất gia tu tập, ta còn phải làm gì với quốc độ này?"

Vì thế ngài thoái vị ở kinh thành Mithilà dài bảy dặm, và vương quốc Videha rộng ba trăm dặm gồm mười sáu ngàn làng với các cửa hiệu đầy hàng hóa, mười sáu ngàn nữ vũ công, rồi cũng không nghĩ đến các hoàng tử và công chúa, vua lên vùng Tuyết Sơn sống đời tu hành. Tại đó ngài chỉ sống bằng quả rừng trong đời độc cư thanh tịnh. Cả hai vị vua an tịnh độc cư như vậy, sau đó gặp nhau; tuy thế hai vị vẫn sống cùng nhau trong cảnh đời an tịnh với tình thân hữu.

Ấn sĩ xứ Videha phục vụ ấn sĩ xứ Gandhàra. Vào một đêm đầy trăng, trong lúc hai vị ngồi dưới gốc cây đàm luận đạo lý, thần Ràhu che khuất mặt trăng đang sáng tỏa khắp bầu trời.

Ấn sĩ xứ Videha nhìn lên, hỏi:

- Tại sao ánh trăng bị mất?

Và khi thấy trăng bị thần Ràhu chụp, vị ấy hỏi:

- Bạch Tôn sư, tại sao nó che khuất mặt trăng làm cho tối tăm vậy?

- Nay đồ đệ, đó là do duyên quấy nhiễu mặt trăng tên gọi là Ràhu, nó ngăn cản mặt trăng chiếu sáng. Chính ta khi thấy mặt trăng bị thần Ràhu che khuất, đã suy nghĩ: "Mặt trăng sáng trở nên tối vì bị quấy nhiễu từ bên ngoài. Nay quốc độ là mối phiền nhiễu đối với ta, ta muốn theo đời tu hành để quốc độ không làm ta đen tối như thần Ràhu làm tối mặt trăng kia. Như vậy, lấy chuyện mặt trăng bị thần Ràhu che khuất làm chủ đề của ta, ta từ giã vương quốc và sống đời tu hành".

- Bạch Tôn sư, thế ngài là cựu vương nước Gandhàra ư?

- Chính phải.

- Bạch Tôn sư chính đệ tử là cựu vương Videha, trong quốc độ Videha và kinh thành Mithila, dù chúng ta chưa từng thấy nhau, chúng ta chẳng phải đã làm bạn với nhau đó sao?

- Thế chủ đề của Hiền hữu là gì?

- Đệ tử nghe Tôn sư đã xuất gia tu tập nên suy nghĩ: "Chắc chắn ngài đã tìm thấy lợi ích của nếp sống ấy, đệ tử xem ngài là chủ đề của mình, nên từ giã quốc độ và xuất gia".

Từ đây trở đi, hai vị trở nên hết sức thân thiết, quý mến nhau và chỉ sống bằng quả rừng. Sau một thời gian an trú tại đó, hai vị từ Tuyết Sơn đi xuống tìm muối và dấm, dần dần đến một làng ở biên địa.

Dân chúng hoan hỷ vì phong cách hai vị, đã cúng dường và khi nhận được lời hứa, họ dựng thảo am để hai vị trú ban đêm và ở cả trong rừng nữa, rồi mời hai vị ở lại đó; bên vệ đường họ còn dựng một phòng ăn ở một nơi đẹp có nước chảy.

Sau khi đi khát thực từ làng biên địa, hai vị ngồi dùng món ăn trong thảo am kia rồi trở về chỗ cư trú của mình. Dân chúng cúng dường thực phẩm có hôm để muối lên một lá rồi đem đến cho hai vị, hôm khác lại đem thức ăn không có muối.

Một hôm họ cúng dường hai vị rất nhiều muối trong một cái rổ bằng lá. Ẩn sĩ xứ Videha lấy muối đem vừa đủ phần Bồ-tát lúc dùng thức ăn, và cũng lấy phần vừa đủ cho mình, sau đó cát phần còn lại trong rổ lá đặt vào một cuộn cỏ, tự nhủ: "Cái này sẽ có ích cho ngày không có muối".

Rồi một hôm nhận được thức ăn không có muối, ẩn sĩ xứ Videha đem món khát thực đến ẩn sĩ Gandhara, lấy muối trong cuộn cỏ ấy ra và bảo:

- Bạch Tôn sư, hãy lấy muối.

- Dân chúng hôm nay không cho ta muối, vậy đồ đệ lấy đâu ra muối?

- Bạch Tôn sư, hôm kia dân chúng cho nhiều muối, nên đệ tử cát phần dư và bảo: "Cái này sẽ có ích cho ngày không muối".

Bồ-tát liền quả trách vị này, bảo:

- Nay kẻ ngu si kia, ông đã từ bỏ vương quốc Videha rộng ba trăm dặm, đã xuất gia tu hành và chúng đạt tâm ly dục, nay ông lại khởi lòng ham thích muối và đường!

Khuyến giáo như vậy xong, ngài ngâm vần kệ đầu:

*1. Phó xá, thôn trang mười sáu ngàn,  
Ông từ bỏ hết mọi giàu sang,  
Kho tàng của cải nhiều vô tận,  
Nay tích trữ gì đây phải chăng?*

Ẩn sĩ Videha bị khiển trách như vậy, không kham nhẫn lời khiển trách mà trở nên lạnh lùng bảo:

- Bạch Tôn sư, ngài không thấy lỗi của ngài, mặc dù ngài thấy lỗi của tôi. Ngài đã chẳng rời bỏ vương quốc và xuất gia, tự bảo: "Tại sao ta phải khuyến giáo kẻ khác? Ta muốn khuyến giáo bản thân ta mà thôi" ư? Thế sao nay ngài lại đang khuyến giáo tôi đây?

Rồi vị ấy ngâm vần kệ thứ hai:

2. Ngài bỏ Gan-dha, mọi phó phùng,  
Biết bao châu báu ở kho tàng,  
Không còn ban lệnh cho ai nữa,  
Nay lại truyền tôi lệnh ấy chăng?

Nghe vậy Bò-tát ngâm vần kệ thứ ba:

3. Chính vì chân chánh, ta khuyên răn,  
Vì ghét những gì chẳng chánh chân,  
Khi nói cho ông điều chánh hạnh,  
Lỗi làm ta chẳng phạm vào thân.

Ân sĩ xứ Videha nghe Bò-tát nói, đáp lại:

- Bạch Tôn sư, thuyết giảng cho người khác sau khi đã làm kẻ ấy đau buồn giận dữ là điều không thích hợp, dầu có thuyết giảng đúng vấn đề đi nữa. Tôn sư đang nặng lời gay gắt với tôi như thể cạo đầu tôi với con dao cùn!

Rồi vị ấy ngâm vần kệ thứ tư:

4. Bất cứ lời nào, nếu nói ra,  
Sẽ gây thương tổn đến người ta,  
Trí nhân không nói ra lời ấy,  
Cho dầu tạo nên quá lớn mà!

Bò-tát liền đáp vần kệ thứ năm:

5. Người nghe ta rắc trấu hay không,  
Hay dầu người kia bị tổn thương,  
Khi nói ra điều gì chánh hạnh,  
Lỗi làm ta chẳng phạm vào thân.

Nói vậy xong, ngài tiếp tục bảo:

- Nay Ânanda, ta không cư xử với ông như người thợ gốm cư xử với đám nôi đất chưa nung nấu. Ta sẽ còn khiển trách nhiều lần nữa, vì "Cái gì là cốt lõi, cái ấy sẽ tồn tại".

Do vậy, ngài cương quyết giữ cách xử sự phù hợp với lời giáo huấn của đức Thế Tôn. Ví như người thợ gốm giữa đám đồ gốm, sau một thời gian thường xuyên đập gõ lên chúng, chỉ chọn cái nôi đã nung kỹ, chứ không chọn cái nôi đất chưa nung, ngài cũng chọn người tốt như chiếc nôi được nung kỹ kia bằng cách khuyên giáo và khiển trách nhiều lần như thế. Rồi muốn thuyết giảng để nêu rõ cho vị ấy hiểu điều này, ngài ngâm vần kệ:

6. Nếu trí đức không được luyện rèn  
Trong đời sống để mãi tăng thêm,  
Nhiều người phiêu bạt chân buông thả,  
Như thế trâu mù cứ bước lên.

*7. Song các trí nhân khéo luyện rèn  
Để cho thiện hạnh mãi tăng thêm,  
Chính nhờ đạo hạnh này thuần thực  
Nên các tha nhân bước tiếp liền.*

Nghe lời này, ản sĩ xứ Videha nói:

- Bạch Tôn sư, từ nay về sau xin cứ giáo huấn đệ tử . Đệ tử trót lỡ nói lời bất nhã với ngài, xin tha thứ cho đệ tử.

Rồi cúi đầu đánh lễ cung kính, vị ấy được Bò-tát thứ lỗi.

Như vậy hai vị đã sống hòa hợp với nhau và trở về Tuyết Sơn. Sau đó Bò-tát dạy ản sĩ xứ Videha cách chứng đắc Thiền định. Vị ấy tuân thủ và thành tựu các Thắng trí cùng các Thiền chứng. Hai vị không bao giờ gián đoạn Thiền định nên về sau tái sinh lên cõi Phạm thiên.

\*

*Khi Pháp thoại chấm dứt, Bạc Đạo Sư nhận diện tiền thân:*

- Vào thời ấy ản sĩ xứ Videha là Ananda và quốc vương Gandhàra chính là Ta.

-ooOoo-

#### **407. Chuyện Đại Hầu Vương (Tiền thân Mahàkapi)**

***Chính thân ngài đã bắt ngang cầu khỉ...,***

*Bạc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về các thiện nghiệp đối với thân quyến. Hoàn cảnh chuyện này sẽ xuất hiện trong tiền thân Bhaddasàla, số 444.*

*Tăng chúng bắt đầu bàn luận trong Chánh pháp đường, bảo nhau:*

- Đức Phật Toàn Giác đã làm nhiều thiện sự đối với thân quyến.

*Khi Bạc Đạo Sư hỏi Tăng chúng và được trình bày đề tài trên, Ngài đáp:*

- Nay các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai làm thiện nghiệp đối với thân quyến.

*Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.*

\*

Ngày xưa khi vua Brahmadata trị vì ở Ba-la-nại, Bò-tát nhập mẫu thai loài khỉ. Khi lớn lên, ngài có vóc dáng oai nghi lực lưỡng và cường tráng, cùng sống với một đàn tám mươi ngàn con khỉ ở Tuyết Sơn.

Gần bờ sông Hằng có một cây xoài (nhiều người khác bảo là cây đa) với nhánh chồi tỏa bóng mát và lá rậm rạp như một đỉnh núi. Trái xoài ngọt có mùi hương và vị tuyệt diệu, to bằng các bình nước. Trái từ một cành rơi xuống đất, từ một nhánh khác rơi xuống sông Hồng, từ hai nhánh khác rơi vào gốc cây.

Trong lúc ăn xoài cùng với loài khỉ, Bồ-tát nghĩ thầm: "Một ngày kia tai họa sẽ xảy đến cho ta do trái xoài rơi xuống nước".

Vì thế không để lại trái xoài nào trên cành cây mọc trên bờ sông, ngài bảo bọn chúng ăn hết hoặc ném bỏ hoa đúng mùa ngay từ khi nụ hoa mới nhú bằng hạt đậu.

Tuy thế, một xoài chín nằm kín trong một tổ kiến, nên cả tám mươi ngàn con khỉ không trông thấy, rớt xuống dòng sông và mắc vào cái lưới ở phía trên vua Ba-la-nại lúc ấy đang tắm sông vui đùa với một tấm lưới ở trên và một tấm ở dưới.

Khi vua đã vui đùa suốt ngày và sắp ra về lúc chiều tối, bọn người đánh cá đang kéo lưới lên, trông thấy trái cây, nhưng không biết loại gì, liền đem dâng vua, vua hỏi:

- Trái gì thế?

- Tâu Đại vương, chúng thần không biết.

- Thế ai biết?

- Tâu Đại vương, các người kiểm lâm.

Vua truyền gọi bọn người kiểm lâm và khi nghe họ bảo đó là trái xoài, vua lấy dao cắt nó ra, rồi trước hết bảo bọn kiểm lâm ăn xoài, sau đó chính nhà vua cũng ăn xoài. Hương vị xoài chín thấm nhuần khắp toàn thân vua. Do lòng ham muốn hương vị câu thúc, vua hỏi bọn kiểm lâm cây ấy ở đâu, và khi nghe rằng cây ấy ở trên bờ sông về hướng Tuyết Sơn, vua truyền ráp các chiếc bè lại và chèo ngược lên thượng nguồn của sông theo lộ trình được đám kiểm lâm hướng dẫn. Số ngày đi đường chính xác là bao nhiêu không được nêu ra.

Theo thời gian, họ đến nơi ấy, và bọn kiểm lâm trình vua:

- Tâu Đại vương đó là cây xoài.

Vua dùng bè lại và cùng đám quần thần đông đảo đi bộ đến nơi, rồi truyền trái sàng tọa ngay dưới gốc cây, vua nằm ngủ sau khi đã ăn xoài và hưởng đủ mọi thứ hương vị tuyệt hảo. Khắp mọi phía quân lính canh gác cẩn thận và nhóm lửa lên. Khi mọi người đã ngủ yên, Bồ-tát cùng bầy khỉ đến đó lúc nửa đêm.

Tám mươi ngàn con khỉ chuyền từ cành nọ sang cành kia ăn xoài. Vua tỉnh giấc thấy bầy khỉ, liền đánh thức quân hầu và gọi đám xạ thủ đến bảo:

- Hãy bao vây loài khỉ đang ăn xoài để chúng không thoát được, rồi bắn cả đi. Ngày mai ta muốn ăn xoài với thịt khỉ.

Đám xạ thủ tuân lệnh, đồng đáp:

- Muôn tâu, được lắm.

Rồi họ bao vây cả cây với cung tên sẵn sàng.

Bây khi thấy họ, sợ chết vì chúng không thể trốn được, liền nhảy đến Bò-tát và thưa:

- Tâu Đại vương, các xạ thủ đang vây quanh cây và bảo: "Ta sẽ bắn chết loài khỉ lang thang trộm cắp này". Chúng con phải làm gì bây giờ?

Chúng vừa đứng vừa run rẩy.

Bò-tát bảo:

- Đừng sợ, ta sẽ cứu mạng các con.

Vừa an ủi bấy khi như vậy xong, ngài leo lên một cành mọc thẳng đứng, rồi đi qua một cành khác dài về phía sông Hằng, xong lại nhảy vọt về cuối cành ấy, vượt qua một trăm tầm cung và hạ xuống một bụi cây trên bờ.

Khi xuống đến nơi, ngài đánh dấu khoảng cách và nói: "Đó là khoảng cách ta đã vượt qua". Rồi cắt một đọt tre sát gốc, lột vỏ và nói:

- Phần này sẽ được buộc vào cây ấy, và phần kia sẽ ở trên không.

Khi tính hai chiều dài như vậy, ngài quên phần buộc vào thắt lưng mình. Ngài cầm đọt tre buộc một đầu vào thân cây trên bờ sông Hằng và phần kia vào thắt lưng, sau đó nhảy vọt qua khoảng cách một trăm tầm cung ấy với tốc độ của mây bay theo gió cuốn.

Do không tính phần tre buộc vào thân mình, ngài không tới tận cây ấy. Vì vậy ngài lấy hai tay nắm chặt cành cây và ra hiệu cho cả đàn khỉ:

- Cầu chúc các con may mắn, qua nhanh lên, bước trên lưng ta mà đi dọc theo cây tre.

Cả tám mươi ngàn con khỉ trốn thoát được theo cách ấy, sau khi cung kính đánh lễ Bò-tát, xin phép ngài ra đi.

Thời ấy Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là một con khỉ trong đàn kia tự nhủ: "Đây là cơ hội để ta thanh toán kẻ thù".

Vì thế vừa trèo lên cây, nó nhảy vọt và ngã trên lưng Bò-tát. Tim Bò-tát như muốn vỡ nát, vô cùng đau đớn. Sau khi gây ra nỗi đau khổ thống thiết cho ngài như vậy, nó liền bỏ đi, chỉ còn Bò-tát một mình.

Lúc ấy vua tỉnh giấc thấy rõ mọi việc bấy khi đã làm cùng Bò-tát, vua lại nằm xuống suy nghĩ: "Con vật này không kể đến tính mạng mình, đã cứu thoát cho cả đàn bình an".

Khi trời sáng, vua hoan hỷ về Bò-tát, lại suy nghĩ: "Giết hại chúa khỉ này thật không phải đạo, ta muốn đem nó xuống và săn sóc nó". Vì vậy vua quay bè xuống sông Hằng và dựng một cầu cao ở đó để Bò-tát nhảy xuống nhẹ nhàng, truyền đem tấm y vàng phủ trên lưng ngài và tắm rửa ngài trên sông, cho ngài uống nước đường, lau thân thể ngài thật sạch và tắm dầu thơm đã lọc kỹ cả ngàn lần, sau đó trải một tấm da đã được thoa dầu lên sàng tọa và đặt ngài nằm ở đó, còn vua ngồi ở một chỗ thấp hơn.

Và vua ngâm vần kệ đầu:

*1. Chính thân ngài đã bắt ngang cầu khỉ  
Cho cả đàn trốn thoát được bình an,  
Này khỉ kia, ngài với chúng họ hàng,  
Hay bọn chúng là gì ngài đó vậy?*

Nghe lời này, Bò-tát ngâm các vần kệ khuyên giáo vua:

*2. Tâu Đại vương, tôi trông nom bọn ấy,  
Là Hầu vương, tôi làm chủ cả đàn,  
Khi bọn kia đầy rẫy nổi kinh hoàng  
Vì các vị, lòng lo buồn đau đớn.*

*3. Tôi nhảy qua một trăm tấm cung lớn  
Được trải dài trên vị trí nằm ngang,  
Rồi khi tôi đã buộc khúc tre non  
Thật vững chắc ở quanh sườn tôi đó,*

*4. Muốn đến cây như vàng mây bão tố  
Được cuồng phong thổi bạt cực kỳ nhanh,  
Song mất đà, tôi chỉ đến đầu cành,  
Cầm lấy nó, bàn tay tôi thật vững.*

*5. Khi tôi nằm trên cây treo lơ lửng  
Buộc chặt vào cành với khúc tre non,  
Bây giờ kia đã bước cả lưng còm,  
Giờ đây chúng được an toàn thoát nạn.*

*6. Tôi không sợ nổi đau vì thiệt mạng,  
Dẫu giam cầm tôi cũng chẳng đau buồn.  
Khi bình an hạnh phúc với cả đàn,  
Xưa bọn chúng, tôi đã từng cai trị.*

*7. Một ví dụ dành cho ngài, Đại đế,  
Nếu ngài mong học Đạo lý Chánh chân:  
Niềm an vui hạnh phúc của toàn dân,  
Cùng quân đội, và kinh thành, chiến mã,*



*Đối với ngài đều thiết thân tất cả,  
Nếu ngài mong trị nước thật an bình.*

Bồ-tát giáo huấn vua như thế xong liền từ trần. Vua gọi các đại thần đến truyền lệnh cho Hầu vương được thọ hưởng tang lễ như một quốc vương. Rồi vua truyền bảo đám phi tần:

- Các nàng hãy đưa Hầu vương ra tận nghĩa địa với tư cách là đoàn tùy tùng của Hầu vương, mặc y đỏ, xõa tóc xuống và cầm đuốc trong tay.

Các đại thần làm dàn hỏa táng với một trăm xe củi.

Sau khi đã chuẩn bị tang lễ của Bồ-tát theo nghi thức vua chúa, họ đem xương sọ của ngài đến trình vua. Vua truyền xây một đền thờ ở tại địa điểm hỏa táng Bồ-tát, làm lễ đốt đuốc và dâng hương hoa cúng dường. Vua lại truyền khảm vàng vào xương sọ, nâng nó lên cao trên đầu ngọn giáo và đặt tại cổng thành rồi cúng dường hương hoa khi vua đến Ba-la-nại. Sau đó truyền lệnh cho cả kinh thành trang hoàng thật trang nghiêm, nhà vua làm lễ suy tôn-xá lợi suốt bảy ngày.

Khi đã nhận phần xá-lợi và dựng đền thờ trong thành, vua đến đó cúng dường hương hoa suốt đời. Được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, vua chuyên tâm bố thí cùng làm nhiều thiện sự khác và cai trị chân chánh nên về sau tái sinh thiên giới.

\*

*Khi Pháp thoại chấm dứt, Bạc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự thật và nhận diện tiền thân:*

- Thời ấy vua là Ananda, đàn khi là Hội chúng này và Hầu vương chính là Ta.

-ooOoo-